SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

Số: .241../QĐ/TGĐ-MXV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mức ký quỹ khi giao dịch liên kỳ hạn mặt hàng Dầu thô tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;*
- *Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;*
- *Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;*
- *Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 22/5/2020 về việc bổ sung một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện niêm yết giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa;*
- *Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24/5/2023 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 1369/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 22/5/2020 về việc bổ sung một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện niêm yết giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa;*
- *Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;*
- *Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn, Hợp đồng Quyền chọn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;*
- *Xét đề nghị của Khối Quản lý Giao dịch,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các mức ký quỹ khi thực hiện giao dịch liên kỳ hạn (inter-month), mặt hàng Dầu thô tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo **Phụ Lục I** đính kèm.

Điều 2. Các vị thế mở mua hoặc bán độc lập không áp dụng ký quỹ liên kỳ hạn sẽ được tính vào hạn mức áp dụng Khoản hỗ trợ rủi ro thanh toán theo quy định của MXV.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **01/4/2024** và thay thế Quyết định số: 192/QĐ/TGĐ-MXV ngày 04/3/2024.

Điều 4. Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 4;*
- *Lưu: Khối QLGD, HC./.*

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

Dương Đức Quang

PHỤ LỤC I

MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH LIÊN KỲ HẠN (INTER-MONTH) MẶT HÀNG DẦU THÔ TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 441./QĐ/TGĐ-MXV ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

I. Danh sách các mức ký quỹ liên kỳ hạn mặt hàng Dầu thô

1. Dầu thô Brent

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu thô Brent	Năng lượng	ICE EU	06/2024	07/2024	**441**	USD
2				06/2024	08/2024	**760**	USD
3				06/2024	09/2024	**1,112**	USD
4				06/2024	10/2024	**1,112**	USD
5				06/2024	11/2024	**1,640**	USD
6				06/2024	12/2024	**1,640**	USD
7				06/2024	01/2025	**1,882**	USD
8				06/2024	02/2025	**1,882**	USD
9				06/2024	03/2025	**2,135**	USD
10				06/2024	04/2025	**2,135**	USD
11				06/2024	05/2025	**2,135**	USD
12				07/2024	08/2024	**320**	USD
13				07/2024	09/2024	**672**	USD
14				07/2024	10/2024	**678**	USD
15				07/2024	11/2024	**1,200**	USD
16				07/2024	12/2024	**1,200**	USD
17				07/2024	01/2025	**1,442**	USD
18				07/2024	02/2025	**1,442**	USD
19				07/2024	03/2025	**1,695**	USD
20				07/2024	04/2025	**1,695**	USD
21				07/2024	05/2025	**1,695**	USD
22				08/2024	09/2024	**353**	USD
23				08/2024	10/2024	**403**	USD
24				08/2024	11/2024	**881**	USD
25				08/2024	12/2024	**881**	USD
26				08/2024	01/2025	**1,123**	USD

27				08/2024	02/2025	**1,123**	USD
28				08/2024	03/2025	**1,376**	USD
29				08/2024	04/2025	**1,376**	USD
30				08/2024	05/2025	**1,376**	USD
31				09/2024	10/2024	**179**	USD
32				09/2024	11/2024	529	USD
33				09/2024	12/2024	**529**	USD
34				09/2024	01/2025	771	USD
35				09/2024	02/2025	**771**	USD
36				09/2024	03/2025	1,024	USD
37				09/2024	04/2025	1,024	USD
38				09/2024	05/2025	**1,024**	USD
39				10/2024	11/2024	**529**	USD
40				10/2024	12/2024	**529**	USD
41				10/2024	01/2025	**771**	USD
42				10/2024	02/2025	**771**	USD
43				10/2024	03/2025	**1,024**	USD
44				10/2024	04/2025	**1,024**	USD
45				10/2024	05/2025	**1,024**	USD
46				11/2024	12/2024	**146**	USD
47				11/2024	01/2025	**275**	USD
48				11/2024	02/2025	**372**	USD
49				11/2024	03/2025	673	USD
50				11/2024	04/2025	673	USD
51				11/2024	05/2025	**673**	USD
52				12/2024	01/2025	**243**	USD
53				12/2024	02/2025	**243**	USD
54				12/2024	03/2025	**496**	USD
55				12/2024	04/2025	**673**	USD
56				12/2024	05/2025	**673**	USD
57				01/2025	02/2025	**113**	USD
58				01/2025	03/2025	254	USD
59				01/2025	04/2025	**326**	USD
60				01/2025	05/2025	**413**	USD

61				02/2025	03/2025	**254**	USD
62				02/2025	04/2025	**254**	USD
63				02/2025	05/2025	**296**	USD
64				03/2025	04/2025	**97**	USD
65				03/2025	05/2025	**191**	USD
66				04/2025	05/2025	**99**	USD

Ghi chú: *Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hoá ICE EU.*

2. Dầu thô WTI

Ký quỹ giao dịch liên kỳ hạn của sản phẩm Dầu thô WTI sẽ được tính toán và áp dụng theo mức ký quỹ quy định bởi Sở Giao dịch hàng hóa NYMEX.

II. Danh sách các mức ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn mặt hàng Dầu thô

1. Dầu thô Brent

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu thô Brent	QO	Năng lượng	ICE EU	06/2024	**6,457**	USD
2					07/2024	**6,017**	USD
3					08/2024	**5,698**	USD
4					09/2024	5,346	USD
5					10/2024	**5,346**	USD
6					11/2024	4,818	USD
7					12/2024	**4,818**	USD
8					01/2025	4,576	USD
9					02/2025	**4,576**	USD
10					03/2025	4,323	USD
11					04/2025	4,323	USD
12					05/2025	**4,323**	USD

Ghi chú: *Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ICE EU.*

2. Dầu thô WTI

Ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn của sản phẩm Dầu thô WTI sẽ được tính toán và áp dụng theo mức ký quỹ quy định bởi Sở Giao dịch hàng hóa NYMEX.

III. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 120% mức ký quỹ ban đầu tại các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.